

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **336/2022/DS-PT**  
Ngày: 23-12-2022  
“V/v tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản, góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Giang

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Cường

Ông Trần Tuấn Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, góp hụi”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 80A/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện DMC , tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366 /2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H , sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp Thuận An, xã TM , Huyện DMC , tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

+ Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Công ty TNHH MTV , thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Võ Thu L (Út L1 ), sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp Khởi Trung, xã CK, Huyện DMC , tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị Kiều N , sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố Ninh Trung, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

+ Ông Trần Minh Th, sinh năm 1972 (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Thủy T , sinh năm 1978; (có đơn xin vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Ninh Hưng I, xã Chà Là, Huyện DMC , tỉnh Tây Ninh

Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thị H .

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18-3-2021 và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị H trình bày:*

Bà và bà L (Út L1 ) có quen biết qua lại làm ăn với nhau về việc vay mượn tiền và hùn vốn mua bán đất. Bà cho bà L vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 11-11-2018 bà cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 23-01-2019 bà cho bà L vay số tiền 450.000.000 đồng;
- Ngày 06-02-2019 bà cho bà L vay số tiền 800.000.000 đồng;
- Ngày 08-02-2019 bà cho bà L vay số tiền 350.000.000 đồng;
- Ngày 14-9-2019 bà cho bà L vay số tiền 100.000.000 đồng;

Tổng cộng bà cho bà L vay số tiền 2.700.000.000 đồng, khi vay bà L nói vay để bà L nhận cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác, mỗi lần vay bà L tự viết giấy nợ và ký tên, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, bà L nói khi nào người cầm cố giấy đất chuộc lại thì bà L trả tiền cho bà. Cách nay khoảng 07 – 08 tháng bà có đòi bà L nhiều lần nhưng bà L cứ hẹn mà không trả.

Nay bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 2.700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật đến khi kết thúc vụ kiện.

Đối với số tiền hùn mua bán đất: Trước đây bà L và chị Hương có hùn mua đất, bà cho bà L mượn số tiền 4.700.000.000 đồng để mua đất, sau đó bà L rút bà hùn mua đất lại, bà L nói phải trả cho chị Hương 1.450.000.000 đồng sau đó sang tên lại cho bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi này bà L nói bà cứ trả tiền lãi của khoản tiền 4.700.000.000 đồng (bà L biết 4.700.000.000 đồng là bà vay của người khác), khi bán được đất sẽ cộng lại lời lãi chia đôi, hai bên chỉ nói miệng với nhau không lập văn bản giấy tờ gì khác. Việc bà L giao tiền cho chị Hương 1.450.000.000 đồng bà cũng không biết, chỉ nghe bà L nói lại, còn bà Hương thì cho rằng bà L chỉ giao số tiền 1.300.000.000 đồng. Phần đất này hiện nay bà đã bán lại cho ông Th 6.300.000.000 đồng, lãi được 150.000.000 đồng, trừ tiền lãi của khoản tiền 4.700.000.000 đồng và 1.450.000.000 đồng với mức lãi suất 2%/tháng thì phần đất hùn vốn mua thua lỗ tổng cộng 1.900.000.000 đồng, mỗi người thua lỗ 950.000.000 đồng, trừ phần hùn của bà L 1.300.000.000 đồng thì bà còn giao lại cho bà L 350.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ 350.000.000 đồng vào nợ gốc, hai bên có thỏa thuận với nhau về nội dung này sau khi bà khởi kiện bà L tuy nhiên hai bên không lập văn bản giấy tờ thỏa thuận.

Nay bà đồng ý khấu trừ số tiền 350.000.000 đồng vào nợ gốc, còn lại bà yêu cầu bà L trả cho bà 2.350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 20-4-2020 âm lịch (tương ứng ngày 12-5-2020 dương lịch) cho đến nay.

*Bị đơn, bà Võ Thu L trình bày:* Bà thừa nhận có vay tiền của bà H nhiều lần như bà H trình bày ở trên nhưng bà vay tiền để mua bán đất chứ không phải nhận cầm cố giấy đất, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bà trả tiền lãi đầy đủ đến tháng 3-2021. Bà có trả cho bà H 150.000.000 đồng vào ngày 4-12-2018 (chồng bà H là ông Dương Văn Thuận có ký nhận), bà yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số nợ gốc 2.700.000.000 đồng, bà còn nợ lại số tiền 2.550.000.000 đồng.

Bà có yêu cầu phản tố như sau: Bà và bà H, chị N hùn vốn mua một phần đất trị giá 5.500.000.000 đồng, bà hùn số tiền 1.450.000.000 đồng, bà H hùn vốn 2.700.000.000 đồng, chị N hùn 1.350.000.000 đồng. Đất này hiện nay đã bán với số tiền 6.300.000.000 đồng, lãi được 800.000.000 đồng, chia theo phần hùn bà lãi được 200.000.000 đồng. Bà H phải trả lại cho bà số tiền 1.650.000.000 đồng nhưng đến nay bà H chưa trả. Bà yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày bà H bán đất cho ông Th là ngày 21-3-2021.

Bà có cho bà H vay tiền với số tiền 330.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/4S/2020 A1 và giấy nợ ngày 16/8/2018 A1. Bà H trả được 160.000.000 đồng, còn nợ lại 170.000.000 đồng. Bà yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

Ngoài ra bà H có tham gia góp hui do bà làm chủ thảo, hui 10.000.000 đồng, hiện nay đã mãn bà H còn nợ 10 kỳ hui chết tương đương 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01-01-2021.

Bà yêu cầu phản tố, yêu cầu khấu trừ các khoản nợ trên và tiền lãi pháp sinh vào số nợ gốc, cụ thể: 2.550.000.000 đồng – 1.650.000.000 đồng (tiền hùn vốn mua đất và lãi được từ bán đất) – 170.000.000 đồng (bà H nợ tiền vay) – 100.000.000 đồng (nợ hui) = 630.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này cho bà H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Lê Thị Kiều N trình bày:* Chị và bà H, bà L có quen biết nhau qua việc hùn vốn mua bán đất. Chị có hùn với bà Loan, bà H để mua một phần đất, chị hùn số tiền 1.350.000.000 đồng, có viết giấy thỏa thuận, nhưng do chị cần vốn làm ăn nên chị và bà H có thỏa thuận phần chị hùn xong, chị và bà H đã tính toán xong, hiện nay chị và bà H, bà L không tranh chấp đối với phần hùn vốn này.

*Luật sư trình bày:* Với những chứng cứ do các bên cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 2.350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng do đây là mức lãi suất trong phạm vi cho phép của Bộ luật dân sự 2015. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà L xác định khoản tiền trả 150.000.000 đồng là trả cho các khoản vay trước, không liên quan đến các khoản nợ mà bà H khởi kiện bà Loan, việc hùn vốn mua bán đất mỗi bên hùn ½ số vốn

và đã thỏa thuận thống nhất bà H trả cho bà L 350.000.000 đồng trừ vào số nợ 2.700.000.000 đồng; đối với tiền nợ vay còn lại 40.000.000 đồng và tiền nợ hụi 100.000.000 đồng bà H và bà L thống nhất bà L trả tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 80A/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 463, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 8, 16, 24 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phưởng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Võ Thu L về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Võ Thu L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền **3.140.503.500** (*ba tỷ một trăm bốn mươi triệu năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.550.000.000 đồng và tiền lãi là 590.503.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thu L đối với bà Lê Thị H về “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn, góp hụi, vay tài sản*”

Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho bà Võ Thu L số tiền **2.239.746.432** (*hai tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi hai*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.920.000.000 đồng và tiền lãi là 319.746.432 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà H phải chịu 84.294.928 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 43.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005636 ngày 18-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, bà H còn phải nộp thêm 41.294.928 đồng.

Bà L phải chịu 94.810.070 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 34.800.000 đồng theo biên lai thu số 0011789 ngày 28-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, bà L còn phải nộp thêm 60.010.070 đồng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm;**

**Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:** Giữ nguyên nội dung kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L cụ thể:

- Đối với tiền hùn vốn mua đất: Bà L nại ra là khấu trừ là không có căn cứ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà chỉ đồng ý khấu trừ 350.000.000 đồng.

- Đối với số tiền nợ vay: Không có nợ của bà L số tiền 330.000.000 đồng vì số tiền này đã thanh toán xong và không có lấy giấy nợ lại, vì nghĩ tình chị em bà L đã xé giấy nợ nhưng nay dùng giấy nợ đó khởi kiện bà không đồng ý. Ngoài ra, có file ghi âm cung cấp cho Tòa án là giọng nói của bà và bà L đã thừa nhận bà trả xong nợ.

**Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày:** Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu phản tố.

Ngày 11-6-2019 bà H đưa cho bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, bà L cho rằng số tiền này đã thanh toán rồi nhưng không cung cấp được chứng cứ cho việc thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng này cho bà H. Lý do, ngày 11-6-2019 (DL) bà L đã nhận 1.500.000.000 đồng các bên có làm giấy tờ và số tiền 1.450.000.000 đồng theo giấy tay ngày 02-9-2019 là 2 khoản tiền khác nhau, hùn để mua thêm các thửa đất cũng khác; bà Loan, bà H, bà Hương giao cho bà Hương đứng tên giấy, sau đó thỏa thuận giao cho bà H đứng tên, đã cắt trừ 1.450.000.000 đồng trong giao dịch hùn vốn với nhau: L + H + N chuyển nhượng đối với các thửa 47, 272, 58, 59, 72 tờ bản đồ số 18-22 các thửa đất này đã chuyển nhượng cho ông Th số tiền 6.300.000.000 đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 14-3-2021 các loại thuế bên mua chịu. Và theo văn bản này thể hiện số tiền 1.450.000.000 đồng của bà L đã giải quyết, thanh toán xong với bà H.

Mặt khác: Bà L phản tố sau khi hòa giải công khai chứng cứ là vi phạm tố tụng. Xác định không có chứng cứ bà H trả 1.450.000.000 đồng cho bà L cũng giống như không có chứng cứ bà L trả cho bà H 1.500.000.000 đồng. Khi bà L đồng ý thanh toán xong số tiền thì bà H mới được bán đất và ông Th mới mua.

Các đương sự có quan hệ vay tiền rất rắc rối, phía bà L không hủy chứng cứ các khoản nợ của bà H đã trả như giấy nợ 200.000.000 đồng, giấy nợ 160.000.000 đồng. Nội dung file ghi âm có thể hiện việc thừa nhận rõ ràng về số tiền 200.000.000 đồng và 160.000.000 đồng. Từ cơ sở trên xác định phản tố của bà L không có căn cứ.

**Bà L tranh luận:** Tờ giấy ngày 11-6-2019 là do bà ghi tiền hùn mua đất 1.500.000.000 đồng, số tiền này là nằm trong số tiền 2.700.000.000 đồng của bà H hùn mua đất theo tờ giấy ngày 02-9-2019. Ngày 14-3-2021 bà không đồng ý nên không ký tên và giữ tờ giấy bản chính để giải quyết với bà H nhưng chưa giải quyết xong.

**\* Luật sư trình bày tranh luận:** Nội dung giấy ngày 02-9-2019 hoàn toàn không có việc cắt trừ 1.500.000.000 đồng, giấy ngày 11-6-2019 hoàn toàn không có việc L1 quan đến bà H, người hùn không giống, số tiền không giống. Vợ chồng ông Th ký tên xong giao giấy cho bà Loan, bà L đưa bà H ký tên xong rồi bà L giữ giấy luôn cho đến khi bà H khởi kiện. Như vậy bà L đã đồng ý nội dung thỏa thuận ngày 14-3-2021, có nghĩa là đã thanh toán xong số tiền 1.450.000.000 đồng.

**Ông Th trình bày:** Vợ chồng ông mua phần diện tích 22.976,6 m<sup>2</sup> giá 6.300.000.000 đồng từ bà H và bà L sau đó bán ngay cho người khác. Ông bà không có L1 quan gì trong vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21-9-2022 bà Lê Thị H kháng cáo, qua xem xét trình tự thủ tục kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị H xác định hủy bỏ việc yêu cầu Luật sư Phạm Văn Tình và Luật sư Phạm Thị Mai Quyên tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Căn cứ vào Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.2] Xét thủ tục phản tố: Ngày 25-10-2021 bị đơn bà L có đơn yêu cầu phản tố, sau đó đến 26-7-2022 tiếp tục mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đảm bảo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó lời trình bày của luật sư cho rằng Tòa sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ.

[2] Xem xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà H và bà L có mối quan hệ vay tiền, góp hụi và góp vốn kinh doanh sang nhượng đất từ năm 2018. Quá trình giao dịch giữa các bên có phát sinh tranh chấp. Bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả 5 khoản tiền vay từ ngày 11-11-2018 đến 14-9-2019 là 2.700.000.000 đồng. Các bên thống nhất số tiền nợ trên và không có kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố: Phía bà L phản tố đòi với bà H các khoản tiền sau:

+ Đối với khoản tiền vay: Bà L cung cấp 2 giấy vay bản chính đề ngày 25-4-2020 (AL) số tiền 200.000.000 đồng và ngày 16-8-2018 (AL) vay 130.000.000 đồng. Tổng cộng là 330.000.000 đồng, bà H có trả 160.000.000 đồng (có giấy tờ 27-4-2020 AL), hiện còn nợ 170.000.000 đồng. Phía bà H cho rằng đã trả số tiền trên rồi nhưng không lấy lại giấy nợ. Ngoài lời trình bày ra bà H cung cấp file ghi âm hội thoại bằng điện thoại di động giữa bà H và bà Loan, cho rằng nội dung ghi âm đã trả hết các khoản nợ cho bà Loan. Nhưng bà H không xác định được thời

gian ngày tháng ghi âm, không cung cấp được lịch sử của cuộc gọi đã ghi âm. Tuy nhiên, qua xem xét đối chiếu nội dung ghi âm mà bà H đã cung cấp cho Tòa thì không có nội dung nào thể hiện bà L xác định bà H đã trả xong 2 khoản tiền vay trên.

+ Đối với khoản tiền góp hụi: Bà L yêu cầu trả 10 kỳ hụi chết là 100.000.000 đồng. Bà H xác định có tham gia góp hụi 10.000.000 đồng do bà L làm chủ thảo, bà có yêu cầu hốt hụi nhưng không được nên bà L đã cho bà vay số tiền 130.000.000 đồng, sau đó hốt hụi được thì khi bà L đăng hụi đã khấu trừ xong số tiền 130.000.000 đồng và bà đã trả xong tiền hụi. Ngoài lời trình bày ra không có căn cứ chứng minh. Theo nội dung ghi âm của bà H cung cấp thì cũng không có nội dung nào thể hiện thanh toán xong tiền hụi.

+ Đối với khoản tiền hùn vốn sang nhượng đất: Bà L yêu cầu trả 1.650.000.000 đồng bao gồm: 1.450.000.000 đồng là vốn hùn và 200.000.000 đồng tiền bán đất lời chia theo phần bà L 01 phần, bà H 3 phần, đất mua 5.500.000.000 đồng bán được 6.300.000.000 đồng, lời được 800.000.000 đồng, bà hùn 01 phần nên được hưởng 200.000.000 đồng, không chia theo số tiền cụ thể hùn. Phía bà H cho rằng đã thanh toán xong các khoản tiền hùn mua đất với bà Loan, cụ thể: Theo giấy thỏa thuận mua bán đất đã bán cho ông Th ngày 14-3-2021 có nội dung: *“Ngoài ra, việc bà H mượn bà L 1.450.000.000 đồng có L1 quan đến phần đất này hiện nay đã tính toán và trả tiền xong trong thỏa thuận mua bán phần đất này”*. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại biên bản xác minh ngày 15-12-2022 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Minh Th xác định đã mua phần đất hiện nay bà L bà H đang tranh chấp phần hùn ông mua với giá 6.300.000.000 đồng, sau đó ông đã bán cho người khác. Như vậy số tiền mua đất là 5.500.000.000 đồng và số tiền bán đất là 6.300.000.000 đồng đã rõ. Đối với nội dung L1 quan đến số tiền 1.450.000.000 đồng có trong tờ giấy thỏa thuận mua bán đất, tại phiên tòa ông Th trình bày không thống nhất khi thì trình bày nội dung trên do bà H trao đổi yêu cầu ông ghi vào giấy thỏa thuận, khi thì trình bày bà L yêu cầu ghi....Do đó, lời trình bày của ông Th về số tiền 1.450.000.000 đồng đang tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Theo chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, L1 quan đến việc hùn vốn mua đất các bên đương sự cung cấp 2 tờ giấy bản chính:

- Một là tờ giấy ngày 11-6-2019 (AL) có nội dung: *“Út L1 có nhận của Lê Thị H số tiền là 1.500.000.000 đồng để hùn phần đất mua của bà Nhẹ 2 thửa đất số 72, 59 tờ bản đồ số 18 với số tiền mua là 3 tỷ,...Võ Thị Mỹ Hương 1 phần nữa phần đất, Lê Thị H và Võ Thu L 1 phần nữa đất để L và Hương đứng tên”*. Đây là phần hùn góp vốn sang nhượng đất ban đầu đối với 2 thửa đất, sau đó các bên sang nhượng thêm 3 thửa khác là 47, 272, 58. Tổng cộng số tiền sang nhượng từ 3.000.000.000 đồng lên 5.500.000.000 đồng, các bên có sự thỏa thuận mới về phần hùn vốn.

- Theo giấy hùn vốn thứ 2: Ngày 02-9-2019 (AL) có nội dung: *“Lê Thị H với Võ Thu L có hùn mua đất của Võ Thị Mỹ Hương, đất do bà H đứng tên số tiền mua tổng cộng là: phần bà L 1.450.000.000 đồng, ...phần H đưa 2.700.000.000 đồng,*

*phần bà N là 1.350.000.000 đồng...".* Cả 3 người Loan, H, N đều ký tên và giấy này bà L là người viết và giữ giấy, tại cấp sơ thẩm bà H không đồng ý tờ giấy này bà đã yêu cầu giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục giám định, tại Kết luận giám định số 89 ngày 11-5-2022 của Phân Viên khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký đứng tên Lê Thị H, chữ viết họ tên Lê Thị H dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Có căn cứ xác định bà H ký tên vào tờ giấy trên, bà H hùn vốn 2.700.000.000 đồng để mua đất và là người đứng tên giấy tờ đất sau khi sang nhượng, việc này phù hợp với trình bày của bị đơn là bà Loan. Thực tế bà H đã đứng tên giấy tờ đất và đứng ra giao dịch sang nhượng cho vợ chồng ông Th. Như vậy, các bên đều thống nhất số tiền hùn, số tiền bán, chỉ tranh chấp với nhau về thanh toán tiền hùn và lợi nhuận mua bán đất. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại biên bản hòa giải ngày 20-10-2021 (BL 45, 46) bà H trình bày: *"...phần đất hùn vốn mua thua lỗ tổng cộng 1.900.000.000 đồng, mỗi người thua lỗ 950.000.000 đồng, trừ vào phần hùn của bà L 1.300.000.000 đồng thì bà còn giao lại cho bà L 350.000.000 đồng..."* và sau đó tại biên bản hòa giải ngày 01-11-2021 của Tòa án cấp sơ thẩm (BL 58, 59) bà H xác định về tiền hùn mua đất: *"bà L và bà lỗ mỗi người 950.000.000 đồng trừ tiền vốn và hoàn lại cho bà L 350.000.000 đồng..."*. Do đó, bà đồng ý khấu trừ 350.000.000 đồng là tiền hùn mua đất, không đồng ý khấu trừ số tiền 1.650.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 1.450.000.000 đồng hùn vốn mua đất của bà L đến thời điểm bà H khởi kiện các bên chưa giải quyết.

[3] Xem xét file ghi âm cuộc hội thoại giữa ông Th với bà L không xác định được thời gian ghi âm, không có lịch sử cuộc gọi nên là tài liệu tham khảo. Không có căn cứ xác định các bên đã giải quyết xong phần hùn vốn mua đất như bà H và Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Có căn cứ xác định bà H đã nhận 6.300.000.000 đồng tiền bán đất nhưng chưa thanh toán cho bà Loan.

[3.1] Ngoài ra, còn file ghi âm giữa bà H với bà N do bà H cung cấp, không xác định được thời gian ghi âm, không có lịch sử cuộc gọi, qua xem xét không có nội dung L1 quan đến việc bà H và bà L đã thanh toán xong khoản tiền hùn vốn mua đất theo tờ giấy ngày 02-9-2019 và không có L1 quan đến bà N. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự và bà N thống nhất đã giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bà L được chấp nhận và phần yêu cầu khởi kiện 150.000.000 không được chấp nhận là: 72.000.000 đồng + 2% (**2.239.746.432 đồng** - 2.000.000.000 đồng) = 76.794.928 đồng và 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng. Tổng cộng bà H phải chịu là: 84.294.928 đồng.

Bà L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của bà H được chấp nhận: 72.000.000 đồng + 2% (**3.140.503.500 đồng** – 2.000.000.000 đồng) = 94.810.070 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. ghi nhận bà H đã nộp xong theo biên lai thu số 0012601 ngày 21-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**2. Căn cứ Điều 38; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468; Điều 469; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 8; Điều 16; Điều 24 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với bà Võ Thu L về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Võ Thu L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền **3.140.503.500** (*ba tỷ một trăm bốn mươi triệu năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.550.000.000 đồng và tiền lãi là 590.503.500 đồng, làm tròn **3.140.503.000 đồng** (*ba tỷ một trăm bốn mươi triệu năm trăm lẻ ba ngàn*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thu L đối với bà Lê Thị H về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, góp hội*”

Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho bà Võ Thu L số tiền **2.239.746.432** (*hai tỷ hai trăm ba mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi hai*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.920.000.000 đồng và tiền lãi là 319.746.432 đồng, làm tròn **2.239.746.000 đồng** (*hai tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí là: 84.294.928 đồng, làm tròn 84.294.000 đồng (tám mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi tư ngàn).

Bà L phải chịu án phí là: 94.810.070 đồng, làm tròn 94.810.000 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm mười ngàn).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012601 ngày 21-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Huyện DMC ;
- VKSND Huyện DMC ;
- CCTHADS Huyện DMC ;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Giang**